

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021
**QUỸ LIÊN KẾT
ĐƠN VỊ**



Kết nối Triệu Yêu Thương

MỤC LỤC

| | |
|--|----------|
| THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM | Trang 03 |
| THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NĂM 2021 | Trang 04 |
| PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2021 | Trang 08 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2021 | Trang 13 |
| TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NĂM 2022 | Trang 15 |

THÔNGIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Quý Khách hàng thân mến,

Trải qua chặng đường 15 năm hình thành và phát triển (18/01/2007 – 18/01/2022), Dai-ichi Life Việt Nam đã ghi dấu sự trưởng thành vượt bậc về tầm vóc, vị thế, tiềm lực tài chính, uy tín thương hiệu... qua những con số ấn tượng: số lượng khách hàng tăng gấp **12** lần, số nhân viên và tư vấn tài chính tăng **20** lần, tổng doanh thu phí bảo hiểm tăng **50** lần, tổng vốn đầu tư tăng **41** lần, và tổng giá trị tài sản tăng **64** lần.

Riêng năm 2021, trong bối cảnh khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19, Dai-ichi Life Việt Nam đã phát huy nội lực, giữ được thế chủ động với hàng loạt chuyển đổi quan trọng để thực hiện thành công song hành hai mục tiêu: tăng trưởng bền vững và nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Theo đó, tổng doanh thu phí bảo hiểm năm 2021 của Dai-ichi Life Việt Nam đạt **18.650** tỷ đồng, tăng **19,4%** so với năm 2020, tiếp tục giữ vững vị trí top ba công ty bảo hiểm nhân thọ nước ngoài về thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt trên **2.800** tỷ đồng, tăng **115%** so với năm 2020. Đặc biệt, năm 2021 đã đánh dấu mốc son quan trọng của Dai-ichi Life Việt Nam - vinh dự phục vụ hơn **4** triệu khách hàng. Tính đến ngày 31/12/2021, tổng tài sản do Dai-ichi Life Việt Nam quản lý đạt **46.400 tỷ đồng**.

Bên cạnh nỗ lực kinh doanh hiệu quả, Công ty đã hỗ trợ **77** tỷ đồng cho hàng nghìn khách hàng tham gia bảo hiểm không may bị nhiễm Covid-19 năm 2021 và đóng góp **11,7** tỷ đồng cho các chương trình hỗ trợ cộng đồng.

Với những đóng góp hiệu quả cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân Việt Nam, Dai-ichi Life Việt Nam đã được vinh danh qua các giải thưởng uy tín:

- Giải thưởng Rồng Vàng 13 năm liên tiếp với danh hiệu **“Công ty Bảo hiểm Nhân thọ hàng đầu”** do Tạp chí Kinh Tế Việt Nam bình chọn.
- **“Top 3 Công ty Bảo hiểm Nhân thọ uy tín năm 2021”** do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam kết hợp báo Vietnamnet khảo sát và công bố.
- **“Công ty Bảo hiểm Nhân thọ có Ứng dụng Công nghệ Thông tin - Chuyển đổi số tiêu biểu”** do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG phối hợp với Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam bình chọn.
- **“Doanh nghiệp vì Cộng đồng 2021”** do Thời báo Kinh tế Sài Gòn bình chọn.
- **“Top 3 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2021”** do Mạng cộng đồng nghề nghiệp Anphabe cùng Công ty nghiên cứu thị trường Intage Việt Nam bình chọn.
- Hai giải thưởng lớn tại khu vực Châu Á - **Asia Pacific Enterprise Awards 2021** - cho hai hạng mục: **“Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á” (Corporate Excellence Award)** và **“Thương hiệu truyền cảm hứng” (Inspirational Brand Award)** do tổ chức Enterprise Asia bình chọn và trao tặng.

Với triết lý kinh doanh “Khách hàng là trên hết”, Dai-ichi Life Việt Nam cam kết không ngừng sáng tạo, cải tiến sản phẩm và chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đồng thời tiếp tục đầu tư hơn nữa cho chiến lược chuyển đổi số nhằm mang đến cho khách hàng sự thuận tiện tối đa và những trải nghiệm thú vị, hướng đến mục tiêu trở thành công ty bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam.



Thay mặt Ban lãnh đạo cùng toàn thể đội ngũ nhân viên Dai-ichi Life Việt Nam, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin nhiệm và đồng hành của Quý khách trong suốt thời gian qua.

Kính chúc Quý khách cùng gia đình thật nhiều Sức khỏe, Bình an, Hạnh phúc và Thịnh vượng.

Trân trọng



Trần Đình Quân
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NĂM 2021

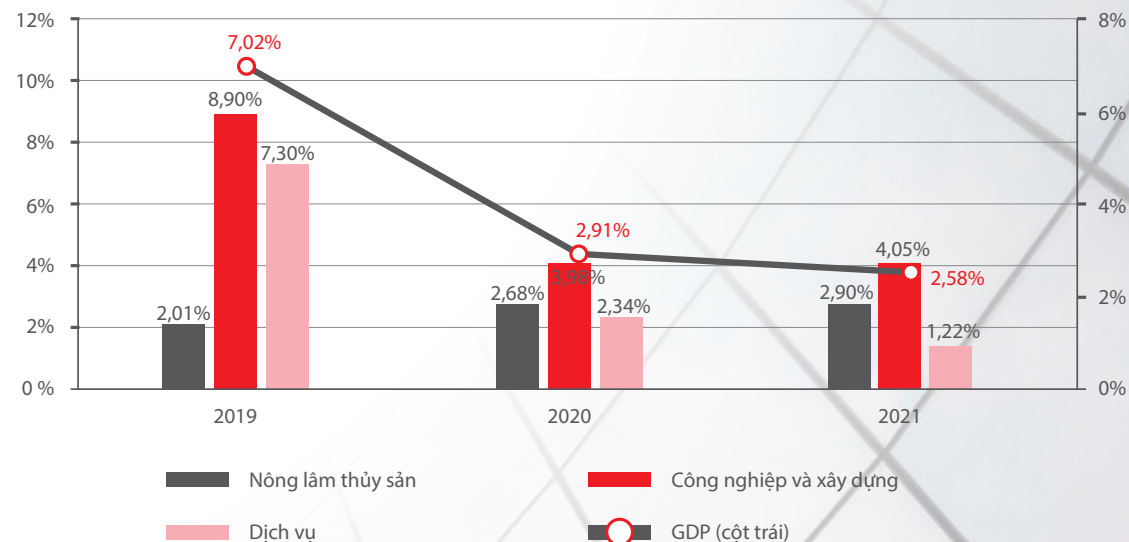
NHỮNG ĐIỂM SÁNG TRONG BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM 2021

Trong bối cảnh khó khăn do dịch bệnh COVID-19, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả khả tích cực trong năm 2021. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức dự báo trung bình của các tổ chức quốc tế với động lực đến từ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và sự phục hồi của hoạt động xuất khẩu những tháng cuối năm. Trong khi đó, lạm phát và tỷ giá vẫn giữ được sự ổn định là nền tảng quan trọng trong việc duy trì khả năng hồi phục kinh tế.

Hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam cũng đã có bước tăng trưởng ấn tượng. Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt mức kỷ lục 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 336,25 tỷ USD, tăng trưởng 19% trong năm 2021, cao hơn đáng kể so với mức tăng 6,9% năm 2020. Thặng dư thương mại hàng hóa năm 2021 đạt khoảng 4 tỷ USD. Mặc dù con số này còn khá thấp so với các năm trước đại dịch, đây thực sự là kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng thế giới năm qua bị ảnh hưởng nặng nề cùng với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng trên phạm vi toàn cầu.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp đã giúp giảm bớt khó khăn cho đời sống của người dân, đồng thời tạo thêm dư địa cho điều hành chính sách tiền tệ và tài khóa trong việc hỗ trợ doanh nghiệp và phục hồi kinh tế.

Tỷ giá duy trì ổn định trong phần lớn thời gian năm 2021, ngoại trừ vài phiên biến động mạnh bất ngờ trên thị trường liên ngân hàng trong tháng cuối năm. Tỷ giá ổn định và kết thúc năm ở mức 22.826 VNĐ/USD trên thị trường liên ngân hàng, tương đương mức tăng giá 1,18% VNĐ so với USD trong năm 2021. VNĐ là một trong những đồng tiền mạnh ổn định nhất trong năm 2021. Kết quả trên có được là nhờ hành động kịp thời linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước trong điều hành tỷ giá, trên cơ sở các yếu tố cơ bản hỗ trợ ổn định tỷ giá là tích cực, bao gồm thặng dư cán cân thanh toán tổng thể, kiều hối khả quan (12,5 tỷ USD), giải ngân vốn FDI (19,74 tỷ USD) và thặng dư thương mại (4 tỷ USD); dự trữ ngoại hối được bổ sung thêm khoảng 12 tỷ USD.



(Nguồn: Tổng cục thống kê - GSO)

TỔNG QUAN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2021



VN - Index

tăng **35,7%** năm 2021

Bình quân 2012 - 2021

tăng **15,6%/năm**

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam kết thúc năm 2021 với hàng loạt các kỷ lục được thiết lập về chỉ số, thanh khoản, vốn hóa thị trường và huy động vốn. Kết thúc năm 2021, VN-Index đóng cửa ở mức 1.498,28 điểm, tăng 35,7% (YoY) so với cuối năm 2020. Các nhóm ngành Ngân hàng, Bất động sản, Nguyên vật liệu, Xây dựng cơ bản và Dịch vụ Tài chính là những ngành dẫn dắt thị trường. VN-Index là một trong những thị trường mang lại suất sinh lời cao nhất trên thế giới, vượt trội hơn cả các thị trường phát triển và trong khu vực ASEAN trong cùng kỳ.

Tăng trưởng VN-Index theo năm, giai đoạn (2012 - 2021)

| 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | Bình quân năm |
|-------|-------|------|------|-------|-------|-------|------|-------|-------|---------------|
| 17,7% | 22,0% | 8,1% | 6,1% | 14,8% | 48,0% | -9,3% | 7,7% | 14,9% | 35,7% | 15,6% |

(Nguồn: HOSE, Bloomberg)

Tính đến cuối năm 2021, Giá trị vốn hóa toàn TTCK Việt Nam đạt khoảng 7,7 triệu tỷ đồng (~339 tỷ USD) tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 123% GDP năm 2020. Thanh khoản duy trì ở mức cao. Tính chung năm 2021, giá trị giao dịch bình quân đạt 1,2 tỷ USD/phiên, cao gấp 3,5x so với cùng kỳ năm trước. Nhà đầu tư (NĐT) cá nhân trong nước đã mua ròng bền bỉ trong cả năm 2021 với giá trị mua ròng qua kênh khớp lệnh gần 93.079 tỷ đồng, tương đương hơn 4 tỷ USD đối ứng lượng bán ròng từ khối ngoại, NĐT tổ chức trong nước, tự doanh. Tỷ trọng giao dịch của NĐT cá nhân trong nước tăng từ mức 80% hồi đầu năm lên 89% hiện tại; Trong khi đó, tỷ trọng giao dịch của khối ngoại trên thị trường giảm mạnh, hiện chỉ còn chiếm khoảng 6% thanh khoản thị trường vào cuối năm 2021, so với 11% đầu năm và mức gần 20% hồi đầu 2018. NĐT cá nhân trong nước sẽ tiếp tục là động lực chính của thị trường năm 2022 trong bối cảnh lãi suất tiết kiệm duy trì ở mức thấp và triển vọng thị trường chứng khoán lạc quan. Theo số liệu từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD), trong năm 2021, NĐT trong nước mở mới khoảng 1,53 triệu tài khoản chứng khoán, gấp 3,8 lần số cả năm 2020 (392 ngàn TK), cao hơn số lũy kế 4 năm 2017-2020 (1,04 triệu TK). NĐT nước ngoài duy trì bán ròng gần như trong suốt cả năm 2021. Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại bán ròng khoảng 2,7 tỷ USD (~58 nghìn tỷ đồng) gấp 3 lần mức bán ròng 811 triệu USD trong năm 2020.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2021

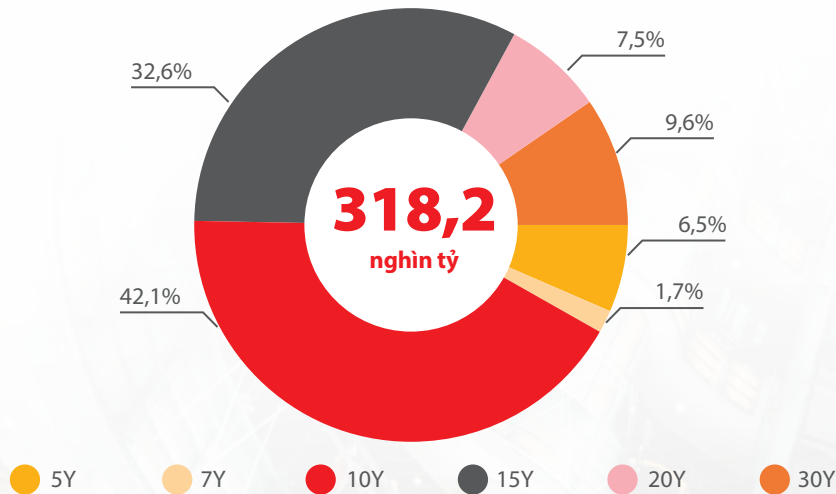
Nhu cầu đầu tư Trái phiếu chính phủ (TPCP) vẫn ghi nhận ở mức cao trong năm 2021, với khối lượng đặt thầu gấp 2,49 lần so với khối lượng gọi thầu. Lãi suất trúng thầu có xu hướng giảm được xem là yếu tố thuận lợi cho tổ chức phát hành. Trong đó, TPCP kỳ hạn 10-năm và 15-năm có nhu cầu cao nhất, chiếm khoảng 75% tổng giá trị phát hành trong năm. Trong năm 2021, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã phát hành 318.213 tỷ đồng TPCP, đạt 98% kế hoạch cả năm sau điều chỉnh, với kỳ hạn phát hành bình quân là 13,9 năm.

Lợi suất TPCP có xu hướng giảm, đặc biệt với trái phiếu kỳ hạn dài. Kết thúc năm 2021, so với cuối năm 2020, lợi suất TPCP các kỳ hạn 1-, 2-, 3-, 5-, 7-, 10-, 15-, 20- và 30- năm lần lượt là 0,725% (+0,408%), 0,763% (+0,346%), 0,825% (+0,18%), 0,937% (-0,322%), 1,333% (-0,242%), 2,17%

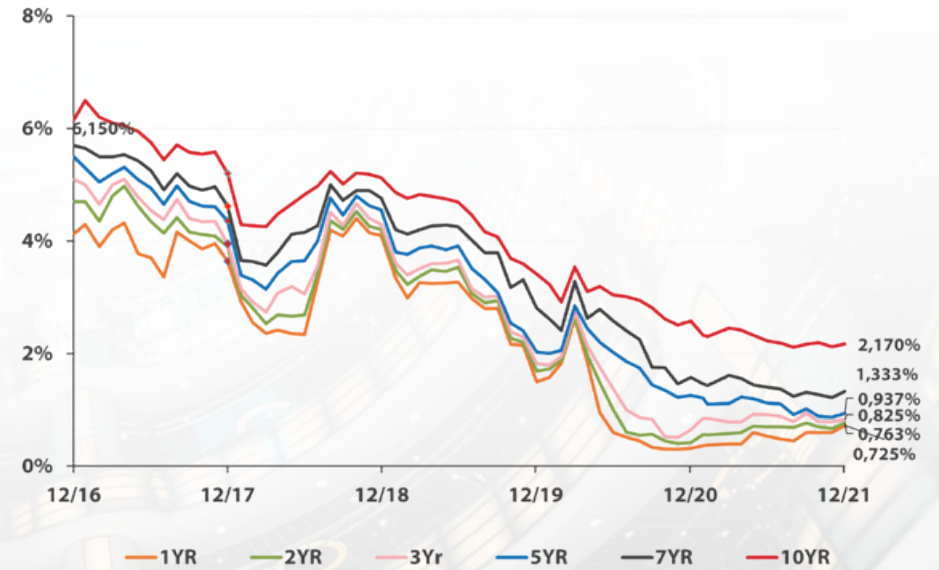
(-0,409%), 2,444% (-0,332%), 2,857% (-0,277%) và 3,030% (-0,293%). Nhìn chung, Ngân hàng Nhà nước vẫn duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ hồi phục kinh tế sau đại dịch và TPCP vẫn là sự lựa chọn hàng đầu cho các tài sản thanh khoản có mức sinh lời cố định.

Nhà đầu tư (NĐT) chính tham gia trên thị trường sơ cấp là các Ngân hàng thương mại và Công ty bảo hiểm. Trên thị trường thứ cấp, NĐT nước ngoài mua ròng tổng cộng 10.212 tỷ đồng trong năm 2021, chủ yếu các kỳ hạn dưới 5 năm. Mặc dù giao dịch của NĐT nước ngoài chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, nhưng đây là dấu hiệu tích cực cho thấy NĐT nước ngoài có niềm tin vào tài sản phi rủi ro ở quốc gia duy trì ổn định vĩ mô trong bối cảnh dịch bệnh như Việt Nam.

Phát hành trái phiếu chính phủ theo kỳ hạn năm 2021



Lợi suất trái phiếu Chính phủ 2017 - 2021

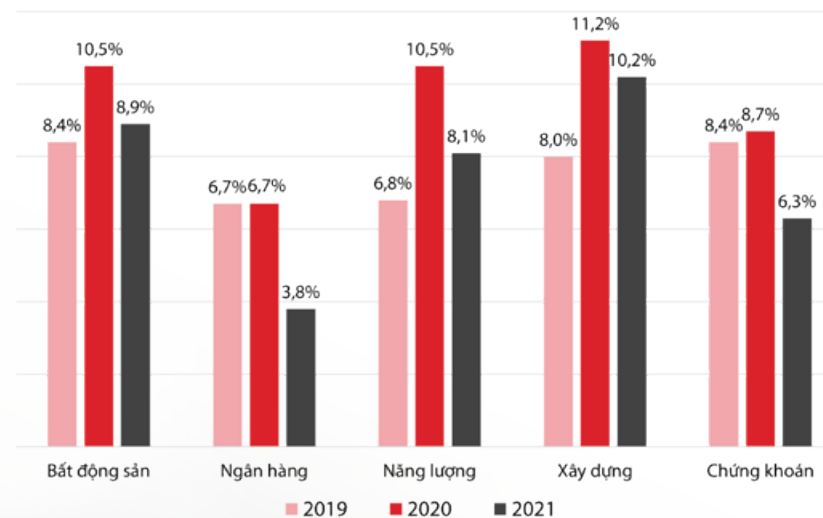


(Nguồn: VBMA, Bloomberg)

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

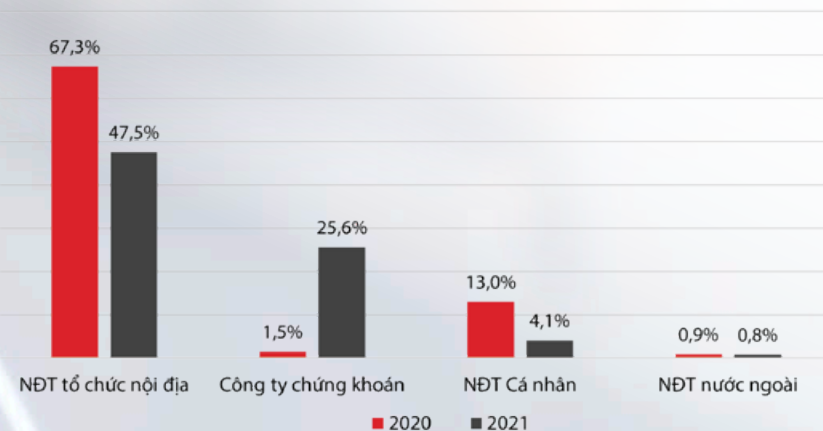
Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) tiếp tục phát triển mạnh trong năm 2021 với khối lượng phát hành tiếp tục tăng cho thấy nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp vẫn rất lớn và NĐT tiếp tục đa dạng hóa danh mục đầu tư sang TPDN trong bối cảnh lãi suất giảm và duy trì ở mức thấp. Trong năm 2021, có tổng cộng 964 đợt phát hành TPDN trong nước với tổng giá trị phát hành đạt 596 nghìn tỷ đồng (tăng ~36% so với cùng kỳ năm trước; trong đó phát hành riêng lẻ chiếm 95,8% với tổng giá trị phát hành (GTPH) 570 nghìn tỷ đồng; phát hành ra công chúng chiếm 4,6% với giá trị 26,34 nghìn tỷ. Nhóm Ngân hàng thương mại dẫn đầu với tổng GTPH đạt 223 nghìn tỷ đồng, có 55,3 nghìn tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 (chiếm 25%), 73% trái phiếu phát hành kỳ hạn ngắn 2-4 năm. Nhóm Bất động sản xếp thứ 2 với tổng GTPH 214,44 nghìn tỷ đồng. Trong đó, khoảng 29% giá trị trái phiếu phát hành không có tài sản bảo đảm hoặc bảo đảm bằng cổ phiếu. Lãi suất phát hành dao động trong khoảng 5%-13%/năm. Kỳ hạn 1-3 năm chiếm 67% tổng GTPH năm đạt 142.389 tỷ đồng.

Lãi suất danh nghĩa bình quân của TPDN phi tài chính giảm về mức 8,9%/năm trong năm 2021 (2020 là 10,4%)



Lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng năm 2021 là 5,5%/năm (2020: 5,8%)

Công ty Chứng khoán mua 25,6% khối lượng phát hành tại các đợt phát hành TPDN phi tài chính năm 2021



Sự tham gia của NĐT cá nhân giảm đi sau khi quy định về NĐT chuyên nghiệp tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực từ đầu năm 2021, cùng lúc đó là sự tham gia mạnh mẽ của CTCK trên thị trường sơ cấp.

(Nguồn: FiinRatings)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ THUỘC SẢN PHẨM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ PHÍ ĐƠN KỲ

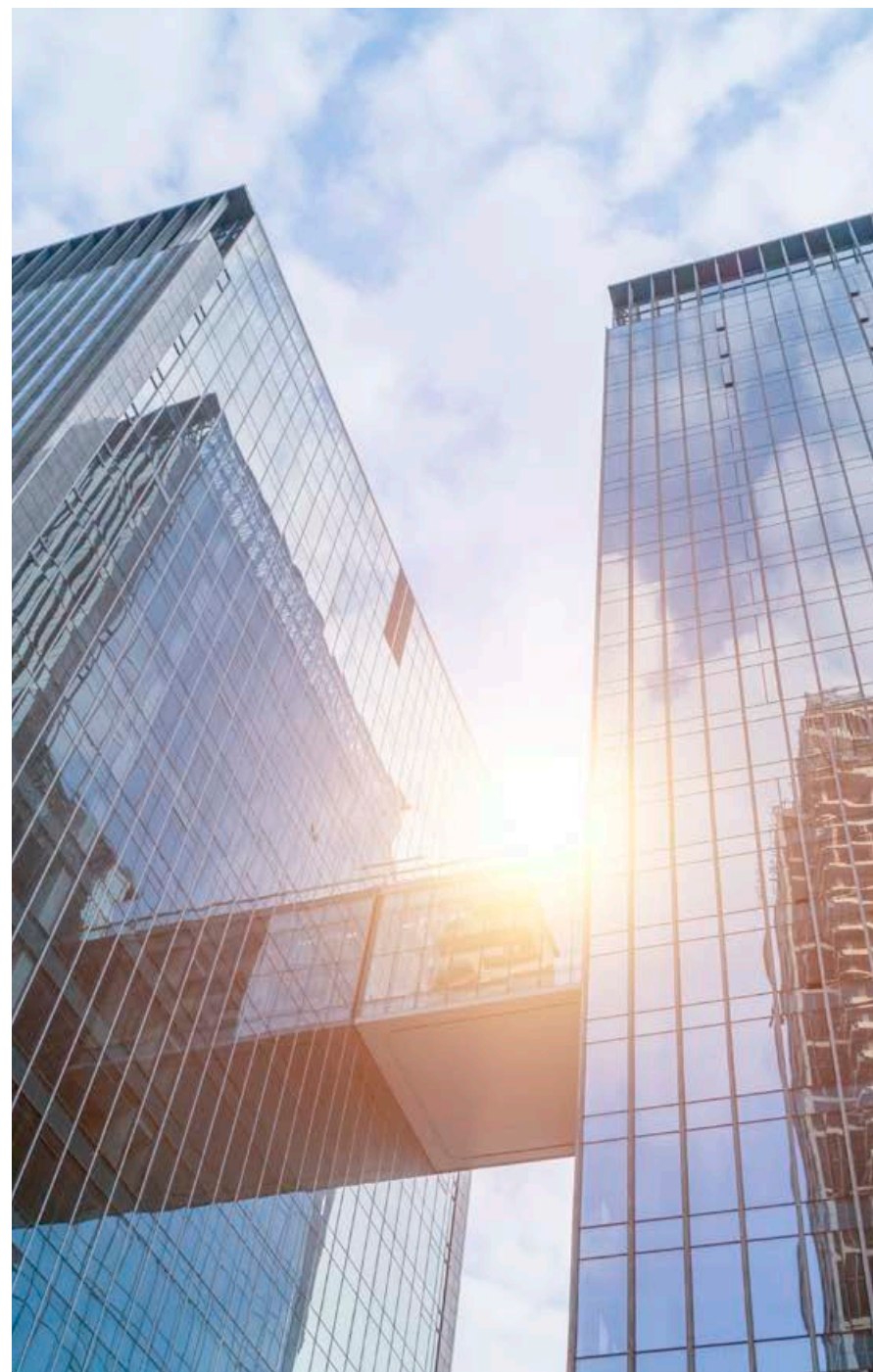
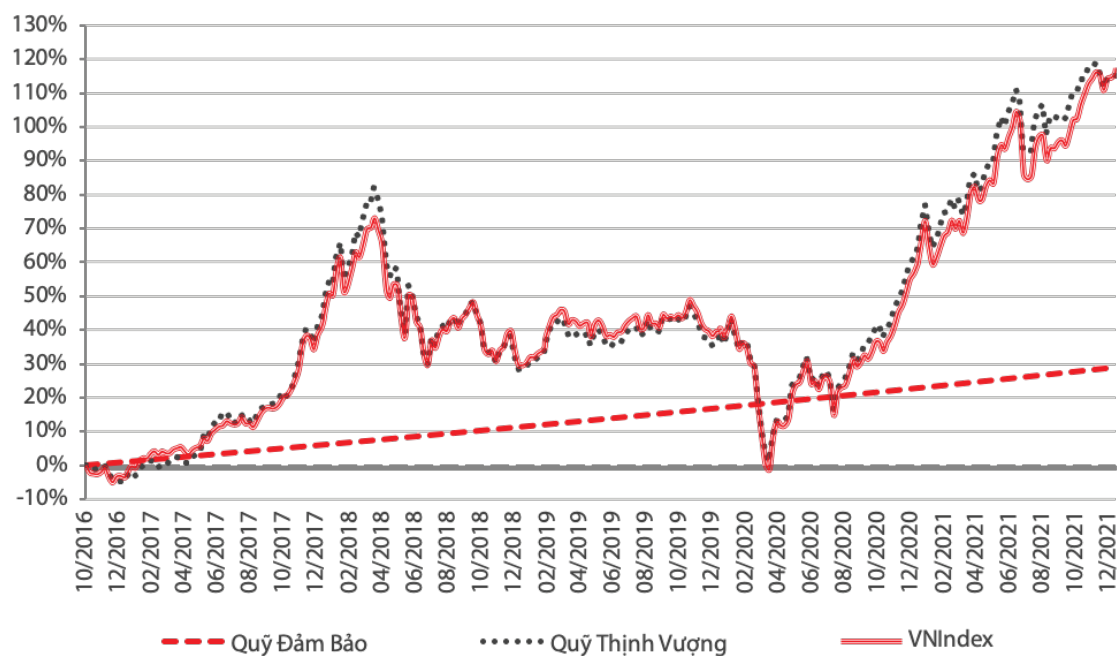
Bảng tỷ suất sinh lời của các Quỹ liên kết đơn vị - Phí Đơn Kỳ

| Tỷ suất sinh lời | Quỹ Đảm Bảo | Quỹ Thịnh Vượng | VN Index |
|------------------------------|-------------|-----------------|----------|
| 2016* | 0,89% | -4,70% | -1,30% |
| 2017 | 5,00% | 52,64% | 48,03% |
| 2018 | 5,00% | -11,78% | -9,32% |
| 2019 | 5,00% | 7,53% | 7,67% |
| 2020 | 5,00% | 19,60% | 14,87% |
| 2021 | 5,00% | 31,02% | 35,73% |
| Tỷ suất sinh lời quy năm | 5,00% | 16,04% | 16,68% |
| Từ 26/10/2016 đến 31/12/2021 | 28,78% | 116,23% | 122,43% |

* Tỷ suất sinh lời tính từ thời điểm Quỹ thành lập từ 26/10/2016 đến 31/12/2016

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và chi phí đầu tư trực tiếp

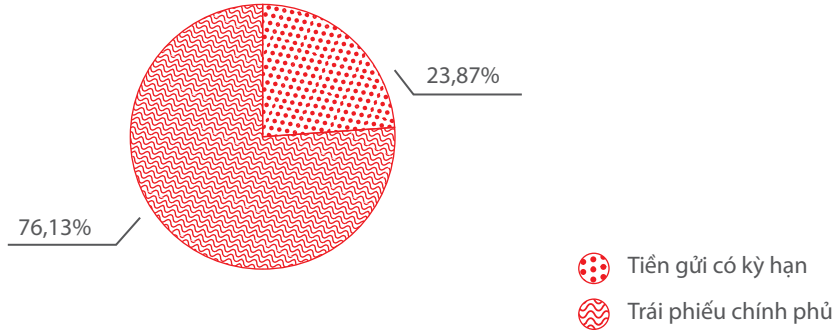
Biểu đồ thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ liên kết đơn vị - Phí Đơn Kỳ



Quỹ Đảm Bảo

Quỹ này có lợi suất tăng trưởng cố định với tỷ lệ lợi nhuận là 5%/ năm. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

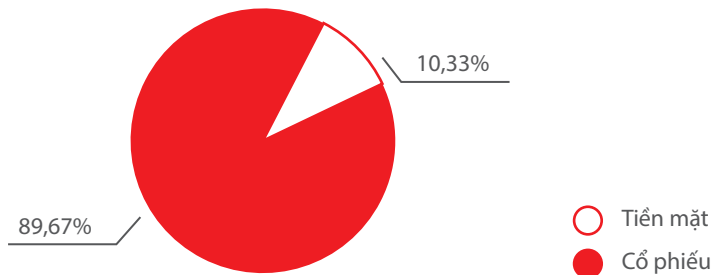
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Đảm Bảo tăng từ 12.554,62 đồng tại cuối năm 2020 lên 13.182,34 đồng tại cuối năm 2021, tăng 5,00%. Quỹ này chỉ đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định và được đảm bảo lợi suất cố định nên tính biến động và rủi ro rất thấp.



Quỹ Thịnh Vượng

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Thịnh Vượng tăng từ 16.503,18 đồng tại cuối năm 2020 lên đến 21.623,07 đồng tại cuối năm 2021, tương ứng tăng 31,02%. Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của quỹ này cũng cao tương ứng.



CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ THUỘC SẢN PHẨM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ PHÍ ĐỊNH KỲ

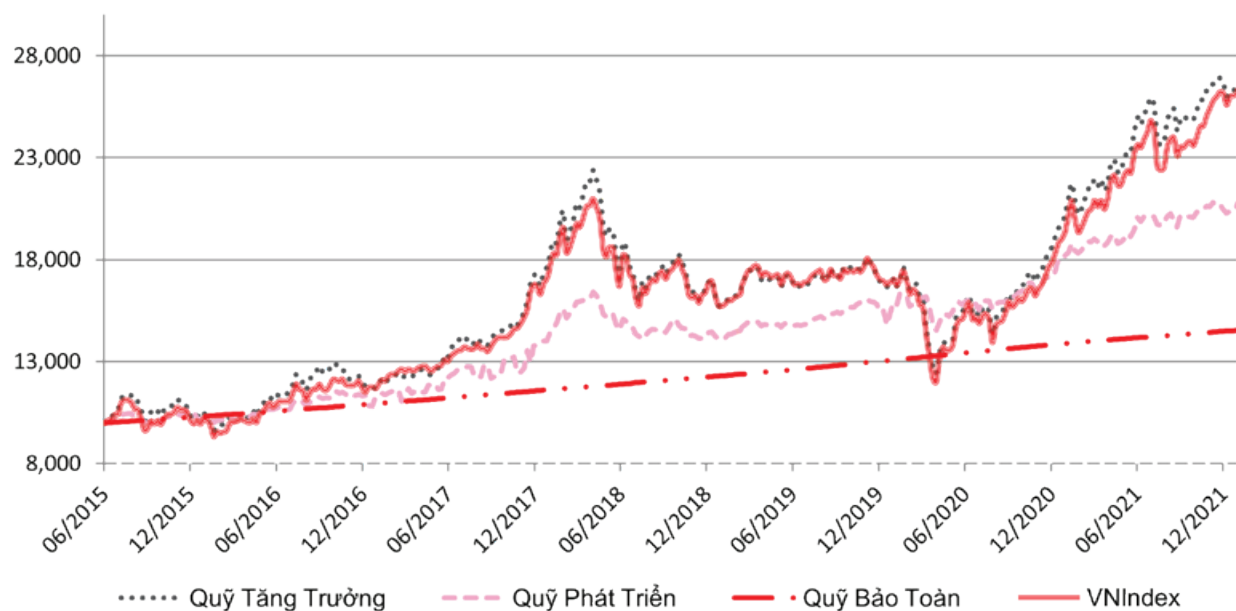
Bảng tỷ suất sinh lời của các Quỹ liên kết đơn vị - Phí định kỳ

| Tỷ suất sinh lời | Quỹ Tăng Trưởng | Quỹ Phát Triển | Quỹ Bảo Toàn | VN Index |
|------------------------------|-----------------|----------------|--------------|----------|
| 2015* | 4,59% | 2,61% | 3,24% | 1,96% |
| 2016 | 12,01% | 9,93% | 6,06% | 14,82% |
| 2017 | 52,64% | 26,56% | 6,08% | 48,03% |
| 2018 | -11,78% | -1,05% | 5,90% | -9,32% |
| 2019 | 7,53% | 11,95% | 6,29% | 7,67% |
| 2020 | 19,60% | 15,19% | 6,16% | 14,87% |
| 2021 | 31,02% | 13,88% | 4,70% | 35,73% |
| Tỷ suất sinh lời quy năm | 16,01% | 11,72% | 5,84% | 15,88% |
| Từ 03/06/2015 đến 31/12/2021 | 165,83% | 107,45% | 45,34% | 163,83% |

* Tỷ suất sinh lời tính từ thời điểm Quỹ thành lập từ 03/06/2015 đến 31/12/2015

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và chi phí đầu tư trực tiếp

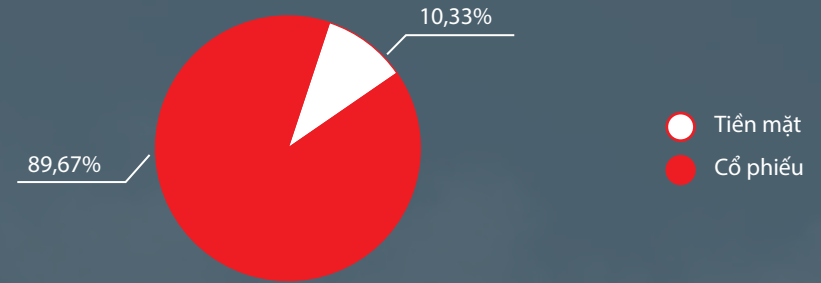
Biểu đồ thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ liên kết đơn vị - Phí định kỳ



Quỹ Tăng Trưởng

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

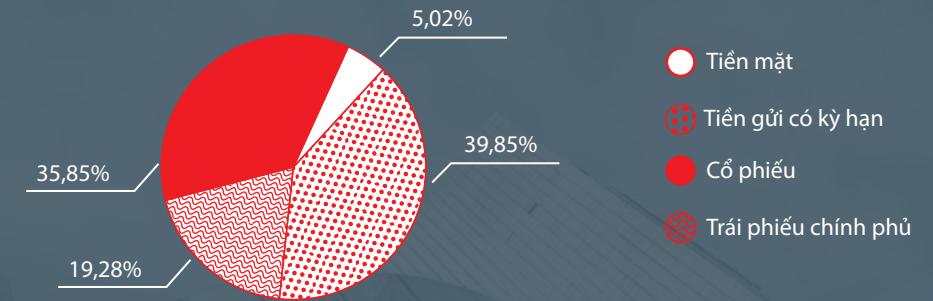
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Tăng Trưởng tăng từ 20.288,70 đồng tại cuối năm 2020 lên đến 26.582,87 đồng tại cuối năm 2021, tương ứng tăng 31,02%. Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của quỹ này cũng cao tương ứng.



Quỹ Phát Triển

Quỹ này có mục tiêu cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn cao từ trung đến dài hạn nên quỹ có danh mục đầu tư đa dạng. Quỹ phân bổ tỷ trọng đầu tư chủ yếu vào các tài sản bằng tiền đồng Việt Nam mang lại thu nhập cố định đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn cao với tỷ trọng thích hợp tùy vào điều kiện thị trường.

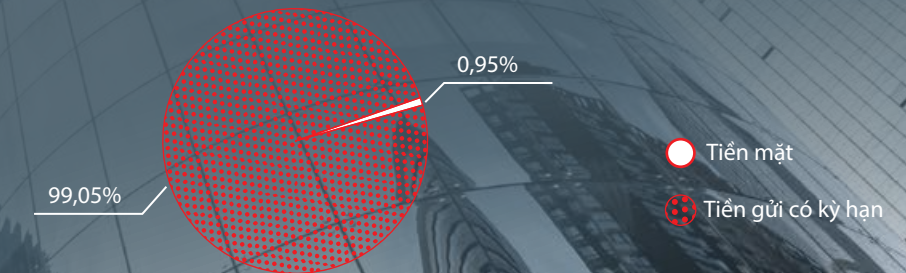
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Phát Triển tăng từ 18.216,10 đồng tại cuối năm 2020 lên đến 20.744,88 đồng tại cuối năm 2021, tương ứng tăng 13,88%. Do tính đa dạng trong danh mục đầu tư nên tính biến động và rủi ro của quỹ này thấp hơn so với Quỹ Tăng Trưởng.



Quỹ Bảo Toàn

Quỹ này có mục tiêu giữ bảo toàn vốn và tạo thu nhập ổn định. Quỹ chủ yếu đầu tư vào các tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Bảo Toàn tăng từ 13.881,43 đồng tại cuối năm 2020 lên 14.533,87 đồng tại cuối năm 2021, tương ứng tăng 4,70%. Quỹ này chỉ đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định nên tính biến động và rủi ro thấp.



DANH SÁCH 05 CỔ PHIẾU TIÊU BIỂU TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ

| Cổ phiếu | Công ty | Nhóm ngành | Tỷ Trọng (% NAV) |
|----------|--|-------------------------|------------------|
| VHM | Công ty Cổ phần Vinhomes | Bất Động Sản - Nhà Ở | 5,95% |
| MSN | Công ty Cổ phần Tập đoàn MASAN | Tiêu Dùng - Thực Phẩm | 5,54% |
| FPT | Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT | Công Nghệ Thông Tin | 4,36% |
| VIC | Tập đoàn Vingroup | Bất Động Sản - Tập Đoàn | 4,00% |
| VCB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam | Tài Chính - Ngân Hàng | 3,62% |

(Số liệu cập nhật tại ngày 31/12/2021)

MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CỦA CÁC QUỸ

| Tên Quỹ | Mục tiêu | Chính sách và rủi ro đầu tư | Lĩnh vực đầu tư |
|-----------------|--|---|---|
| Quỹ Đảm Bảo | Tạo thu nhập ổn định. | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp | Trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập ổn định khác mà pháp luật cho phép. |
| Quỹ Thịnh Vượng | Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn cao. Rủi ro đầu tư: Cao | Cổ phiếu chưa niêm yết, các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công cụ tài chính khác mà pháp luật cho phép. |
| Quỹ Tăng Trưởng | Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Cao | Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (80% - 100%), trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (0% - 20%). |
| Quỹ Phát Triển | Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn. | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn. Rủi ro đầu tư: Trung bình | Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (15% - 55%), trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (45% - 85%). |
| Quỹ Bảo Toàn | Tạo thu nhập ổn định. | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp | Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (100%) |

CỔ TỨC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CỔ TỨC ĐẾN TÀI SẢN RỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Quỹ Đảm Bảo, Quỹ Thịnh Vượng, Quỹ Tăng Trưởng, Quỹ Phát Triển và Quỹ Bảo Toàn không chia cổ tức nên các quỹ này sẽ không phân chia cổ tức cho các Chủ hợp đồng.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Tình hình hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị cho năm kết thúc ngày 31/12/2021 của Dai-ichi Life Việt Nam; Các số liệu tài chính trình bày dưới đây đã được công ty TNHH KPMG kiểm toán và đã được trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần.

CÁC BÁO CÁO PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị: đồng

| Mô tả | Năm 2021 |
|--|--------------------------|
| Tổng phí bảo hiểm (a) | 1.641.805.862.321 |
| Phí bảo hiểm cơ bản | 1.151.002.951.067 |
| Phí bảo hiểm đóng thêm | 490.802.911.254 |
| Quỹ mỗi góp thêm từ Quỹ Chủ sở hữu (b) | 66.228.776.220 |
| Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị (c) | 807.317.505.900 |
| Năm thứ nhất | 733.990.206.100 |
| Năm thứ hai | 56.727.090.100 |
| Năm thứ ba | 9.113.347.400 |
| Năm thứ tư | 5.739.920.900 |
| Năm thứ năm | 797.741.700 |
| Từ năm thứ sáu trở đi | 949.199.700 |
| Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị [(d) = (a) + (b) - (c)] | 900.717.132.641 |



| Tên Quỹ | Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2021 | | | | Số phát sinh trong năm | | Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2021 | | | |
|------------------|-------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| | Số tiền | Số đơn vị quỹ | Giá mua/Đơn vị quỹ | Giá bán/Đơn vị quỹ | Số tiền | Số đơn vị quỹ | Số tiền | Số đơn vị quỹ | Giá mua/Đơn vị quỹ | Giá bán/Đơn vị quỹ |
| Quỹ Tăng Trưởng | 211.721.149.078 | 10.435.420,61 | 20.288,70 | 20.288,70 | 616.118.278.773 | 20.706.413,16 | 827.839.427.851 | 31.141.833,77 | 26.582,87 | 26.582,87 |
| Quỹ Phát Triển | 88.734.104.776 | 4.871.192,24 | 18.216,10 | 18.216,10 | 161.487.930.061 | 7.190.677,60 | 250.222.034.837 | 12.061.869,83 | 20.744,88 | 20.744,88 |
| Quỹ Bảo Toàn | 32.926.964.399 | 2.372.014,76 | 13.881,43 | 13.881,43 | 43.018.991.417 | 2.853.430,11 | 75.945.955.816 | 5.225.444,86 | 14.533,87 | 14.533,87 |
| Quỹ Đảm Bảo | 9.434.609.003 | 751.485,03 | 12.554,62 | 12.554,62 | 596.526.797 | 9.467,56 | 10.031.135.800 | 760.952,59 | 13.182,34 | 13.182,34 |
| Quỹ Thịnh Vượng | 3.588.229.069 | 217.426,48 | 16.503,18 | 16.503,18 | 1.207.665.731 | 4.368,80 | 4.795.894.800 | 221.795,27 | 21.623,07 | 21.623,07 |
| Tổng cộng | 346.405.056.325 | 18.647.539,11 | | | 822.429.392.779 | 30.764.357,22 | 1.168.834.449.104 | 49.411.896,33 | | |



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị: đồng

| Tài sản | Quỹ Tăng Trưởng | Quỹ Phát Triển | Quỹ Bảo Toàn | Quỹ Đảm Bảo | Quỹ Thịnh Vượng | Tổng |
|---------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|
| Tiền mặt | 85.609.406.360 | 12.572.326.989 | 724.301.552 | 1.704.837 | 495.958.145 | 99.403.697.883 |
| Chi tiết danh mục đầu tư | 742.320.744.413 | 237.677.134.158 | 75.223.735.260 | 10.038.622.959 | 4.300.462.237 | 1.069.560.699.027 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | - | 99.725.292.985 | 75.223.735.260 | 2.401.755.836 | - | 177.350.784.081 |
| - Trái phiếu Chính phủ | - | 48.241.247.123 | - | 7.636.867.123 | - | 55.878.114.246 |
| - Trái phiếu doanh nghiệp | - | - | - | - | - | - |
| - Cổ phiếu niêm yết | 742.320.744.413 | 89.710.594.050 | - | - | 4.300.462.237 | 836.331.800.700 |
| Tài sản khác | (90.722.922) | (27.426.310) | (2.080.996) | (9.191.996) | (525.582) | (129.947.806) |
| Tổng tài sản | 827.839.427.851 | 250.222.034.837 | 75.945.955.816 | 10.031.135.800 | 4.795.894.800 | 1.168.834.449.104 |

BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị: đồng

| Mô tả | Quỹ Tăng Trưởng | Quỹ Phát Triển | Quỹ Bảo Toàn | Quỹ Đảm Bảo | Quỹ Thịnh Vượng | Tổng |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------|----------------------|--------------------------|
| Thu nhập/doanh thu | | | | | | |
| Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ liên kết Đơn vị | 640.023.149.476 | 201.419.408.582 | 59.063.073.109 | 125.849.352 | 85.652.122 | 900.717.132.641 |
| Thu nhập đầu tư từ hoạt động đầu tư | 127.379.407.532 | 23.639.656.582 | 2.727.154.487 | 523.940.609 | 1.221.413.217 | 155.491.572.427 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | - | 2.347.387.096 | 2.727.154.487 | 115.890.738 | - | 5.190.432.321 |
| - Trái phiếu chính phủ | - | 2.951.816.303 | - | 408.049.871 | - | 3.359.866.174 |
| - Cổ phiếu | 127.379.407.532 | 18.340.453.183 | - | - | 1.221.413.217 | 146.941.273.932 |
| Thu nhập khác | 1.587.138.700 | 338.936.400 | 266.751.400 | - | - | 2.192.826.500 |
| Tổng thu nhập/doanh thu (1) | 768.989.695.708 | 225.398.001.564 | 62.056.978.996 | 649.789.961 | 1.307.065.339 | 1.058.401.531.568 |
| Chi phí | | | | | | |
| Phí bảo hiểm rủi ro | 119.382.012.234 | 52.969.585.121 | 16.590.060.345 | 6.391.800 | - | 188.948.049.500 |
| Phí quản lý hợp đồng | 9.091.959.078 | 4.020.198.510 | 1.265.322.712 | - | - | 14.377.480.300 |
| Phí chuyển đổi quỹ | 300.000 | - | 300.000 | - | - | 600.000 |
| Phí hủy hợp đồng | 12.886.303.800 | 3.374.153.400 | 904.962.000 | - | - | 17.165.419.200 |
| Phí quản lý quỹ | 9.888.875.042 | 3.316.983.426 | 270.810.392 | 46.209.604 | 85.981.668 | 13.608.860.132 |
| Phí hoạt động đầu tư | 1.621.966.781 | 229.151.046 | 6.532.130 | 661.760 | 13.417.940 | 1.871.729.657 |
| Tổng chi phí (2) | 152.871.416.935 | 63.910.071.503 | 19.037.987.579 | 53.263.164 | 99.399.608 | 235.972.138.789 |
| Chênh lệch giữa doanh thu và chi phí [(3) = (1) - (2)] | 616.118.278.773 | 161.487.930.061 | 43.018.991.417 | 596.526.797 | 1.207.665.731 | 822.429.392.779 |
| Thu nhập chưa phân chia chuyển từ năm trước sang | - | - | - | - | - | - |
| Thu nhập phân chia | - | - | - | - | - | - |
| - Cho Chủ hợp đồng | - | - | - | - | - | - |
| - Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ) | - | - | - | - | - | - |
| - Cho Chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ mỗi) | - | - | - | - | - | - |
| Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau | 616.118.278.773 | 161.487.930.061 | 43.018.991.417 | 596.526.797 | 1.207.665.731 | 822.429.392.779 |

TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2022

NHẬN ĐỊNH VỀ TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM TRONG NĂM 2022

Chính phủ Việt Nam vẫn kiên định triển khai chiến lược bao phủ vắc-xin cao, cùng với kinh nghiệm “Sống chung với Covid-19” là những yếu tố quyết định Việt Nam có thể mở cửa hoàn toàn nền kinh tế thành công. Bên cạnh đó, việc triển khai quyết liệt và có hiệu quả gói chương trình phục hồi và phát triển kinh tế giai đoạn 2022-2023 được Quốc hội thông qua là một trong những cơ sở để nhiều tổ chức quốc tế tin tưởng kinh tế Việt Nam sẽ hồi phục mạnh mẽ trong năm nay, có thể đạt mức tăng GDP từ 6,7% đến 7% năm 2022, cao hơn chỉ tiêu tăng trưởng 6% - 6,5% mà Chính phủ đặt ra.

Động lực tăng trưởng chính bao gồm (1) dòng vốn FDI kỳ vọng tăng trở lại khi dịch Covid-19 được kiểm soát khi Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của làn sóng FDI toàn cầu; (2) Đẩy mạnh đầu tư công; (3) khả năng tận dụng cơ hội từ đà phục hồi của kinh tế thế giới. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước khôi phục cũng đồng thời là nền tảng có thể thực thi hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã tham gia ký kết với các quốc gia thị trường phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu; và (4) khả năng duy trì các chính sách tài khóa tiền tệ hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất, đồng thời duy trì ổn định vĩ mô trong bối cảnh các yếu tố tác động bên ngoài vẫn phức tạp và khó đoán định.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO VẪN HIỆN HỮU, PHỨC TẠP VÀ KHÓ ĐOÁN ĐỊNH HƠN

Covid-19 vẫn là rủi ro không thể chủ quan xem nhẹ. Rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô, áp lực lạm phát ngày càng lớn do tác động “kép” từ diễn biến giá cả hàng hóa thế giới tăng cao hậu Covid-19 và xung đột địa chính trị giữa Nga và Ukraine, các biện pháp trừng phạt do Mỹ, Châu Âu áp đặt lên Nga trong các lĩnh vực trọng yếu tài chính tiền tệ, năng lượng, vận tải và một số lĩnh vực khác và các biện pháp đáp trả của Nga, gây ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu vốn đã rất khó khăn do đại dịch do đứt gãy chuỗi sản xuất, giá cả hàng hóa cơ bản, giá dầu... tăng cao đe dọa tới lạm phát toàn cầu trong đó có Việt Nam. Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã phát đi tín hiệu sẵn sàng tăng lãi suất điều hành nhiều lần trong năm 2022 nhằm kiểm chế lạm phát tăng cao của Mỹ. Động thái này sẽ tác động đến chính sách tiền tệ của các Ngân hàng Trung ương khác trên thế giới và Việt Nam.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ phục hồi tốt hơn trong năm 2022 và đạt mục tiêu đặt ra, trên cơ sở kiểm soát tốt dịch bệnh và mở cửa hoàn toàn nền kinh tế thành công; triển khai hiệu quả gói kích thích kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công giai đoạn 2022-2023 trị giá 350 ngàn tỷ đã được Quốc hội thông qua, giúp doanh nghiệp sớm khôi phục sản xuất kinh doanh với chi phí vốn thấp. Trong bối cảnh đó, triển vọng kinh doanh và lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết dự báo sẽ lạc quan hơn trong năm 2022.

Về mặt định giá, TTCK Việt Nam tương đối hấp dẫn so với các thị trường khác cùng hạng xét về triển vọng tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết. Tính đến cuối tháng 12/2021, P/E trượt của VN-Index hiện quanh mức 17,3x, thấp hơn nhiều so với các TTCK khác trong khu vực như Thái lan SET (18,9x), Philippine PCOMP (23,7x) và Indonesia JCI (25,5x). Mặt khác, các nỗ lực cải cách của cơ quan quản lý nhằm thỏa mãn các tiêu chí nâng hạng thị trường, giúp cải thiện tính minh bạch và hiệu quả thị trường, sẽ giúp TTCK Việt Nam hấp dẫn hơn.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Dự báo khối lượng phát hành TPCP trong năm 2022 vào khoảng 350 ngàn tỷ đồng (tương đương 2021). Ngoài ra, khối lượng TPCP đáo hạn giảm mạnh so với năm 2021, nên không bị áp lực phát hành cơ cấu nợ. Mặt bằng lợi suất trái phiếu còn dư địa giảm nhưng tốc độ giảm và biến động không lớn. Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng có thể tăng nhẹ 0,2% - 0,5% trong bối cảnh nguồn lực tập trung nhiều hơn vào các hoạt động tín dụng phục vụ nền kinh tế. Ngoài ra, NĐT cũng cần chú ý đến các biến cố và sự kiện xảy ra khiến các Ngân hàng Trung ương, nhà điều hành chính sách phải thực thi các biện pháp thắt chặt tài khóa, tiền tệ như căng thẳng địa chính trị leo thang, lạm phát tăng đột ngột vượt ngoài tầm kiểm soát, tác động đến diễn biến lãi suất.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Thị trường TPDN được dự báo sẽ tiếp tục có những bước phát triển mở rộng cả về quy mô lẫn tính đa dạng của sản phẩm, từng bước hình thành kênh dẫn vốn trung và dài hạn cho doanh nghiệp, giảm bớt áp lực cho vay từ các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực và trên thế giới, quy mô thị trường TPDN của Việt Nam còn khá khiêm tốn, sản phẩm còn ít, chưa mang tính đồng bộ và quy chuẩn. Dư nợ TPDN tính đến cuối năm 2021 chỉ khoảng 1,4 triệu tỷ đồng, tương đương 16,8% GDP. Về phương thức phát hành, phát hành riêng lẻ dự báo vẫn chiếm tỷ trọng lớn khi thủ tục và thời gian xử lý hồ sơ nhanh hơn. Bên cạnh đó, cần có thời gian để thị trường làm quen với các dịch vụ đánh giá xếp hạng tín nhiệm cũng như các biện pháp chế tài đối với tổ chức phát hành minh bạch thông tin và thực hiện đánh giá xếp hạng tín nhiệm trái phiếu khi phát hành/chào bán ra công chúng.

Việc phát triển thị trường TPDN cần được triển khai đồng bộ với các nhóm giải pháp từ hoàn thiện khung khổ pháp lý, hoàn thiện mô hình tổ chức thị trường, nâng cao chất lượng hạ tầng và dịch vụ thị trường để tăng cường quản lý giám sát, đảm bảo thị trường hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả. Đây là những ưu tiên mà các cơ quan quản lý của Việt Nam đang nỗ lực để hoàn thiện trong thời gian tới.